TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc .

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Văn Long
2. Ông Nguyễn Bền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Lầu H, số B - B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T, chức vụ Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh L2.

Người được ủy quyền lại: Anh Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1988; chức vụ: Chuyên viên kinh doanh thẻ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – chi nhánh L2.

Địa chỉ: số C H, Khu phố B, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

(Theo Giấy ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 và Giấy ủy

quyền số 45/2024/GUQ-CNLA ngày 19/6/2024)

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Cẩm L1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(anh L có mặt; chị L1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Vào ngày 26/12/2022, chị Lê Thị Cẩm L1 gởi đề nghị cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Bản Điều khoản và điều kiện) và được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) chấp nhận ngày 13/01/2023.

Theo hợp đồng đã ký kết: Chị L1 được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Khi sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng sẽ gởi Thông báo vào ngày 15 hàng tháng cho chị L1 để biết số dư nợ và số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng; thời hạn thanh toán theo thông báo nợ (thời hạn thanh toán là đến ngày 22 của tháng tiếp theo). Đối với giao dịch rút tiền mặt, tiền lãi được tính từ ngày tiếp theo của ngày thực hiện giao dịch và đối với giao dịch mua hàng hóa, tiền lãi được tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn nếu khách hàng không thanh toán hoặc thanh toán không hết dư nợ; khoản lãi được tính theo mức lãi suất thay đổi theo từng thời điểm do Ngân hàng thông báo, lãi suất tại thời điểm vay là 33,2%/năm trên tổng dư nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, chị L1 còn phải chịu các khoản phí hàng năm là 200.000đồng/năm (được thu mỗi năm một lần), phí vượt hạn mức là 0,075%/tháng (nhưng không thấp hơn 50.000đồng), phí chậm thanh toán (phí trễ hạn 6%/số tiền trễ hạn nhưng không thấp hơn 100.000đồng) và một số loại phí khác tùy theo dịch vụ mà chị L1 sử dụng. Nếu đến kỳ thông báo đến hạn tiếp theo của kỳ đến hạn thanh toán mà chị L1 không thanh toán thì Ngân hàng được quyền chuyển toàn bộ dư nợ của chị L1 thành nợ đến hạn và buộc phải trả toàn bộ dư nợ và chấm dứt sử dụng Thẻ và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ, chị L1 đã thực hiện giao dịch rút số tiền 20.000.000đồng vào ngày 16/02/2023 và đã thanh toán không đầy đủ được tổng số tiền là 7.325.360đồng. Chị L1 ngưng không thanh toán từ ngày 15/8/2023 nên đến ngày 15/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với chị L1 và chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn đối với số dư nợ là 18.266.724đồng và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu chị L1 thanh toán số nợ

trên nhưng chị L1 không thực hiện. Tính đến ngày 29/5/2024, chị L1 còn nợ Ngân hàng số tiền dư nợ là 18.266.724đồng và tiền lãi quá hạn là 4.926.285đồng, tổng cộng là 23.193.009đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu chị Lê Thị Cẩm L1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền dư nợ là 18.266.724đồng và tiền lãi quá hạn là 4.926.285đồng, tổng cộng là 23.193.009đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh từ sau ngày 30/5/2024 đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng ngày 13/01/2023, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng anh Huỳnh Ngọc L xác định chị L1 còn nợ số tiền vốn là 18.266.724đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/12/2024 là 10.256.778đồng, tổng cộng là 28.523.502đồng và yêu cầu chị L1 phải trả số tiền 28.523.502đồng cùng tiền lãi phát sinh từ sau ngày 26/12/2024 đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 13/01/2023, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với bị đơn chị Lê Thị Cẩm L1: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Cẩm L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Vào ngày 26/12/2022, chị Lê Thị Cẩm L1 gởi đề nghị cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm theo Bản Điều khoản và điều kiện và được Ngân hàng chấp nhận ngày 13/01/2023. Theo hợp đồng đã ký kết: Chị L1 được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Khi sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng sẽ gởi Thông báo vào ngày 15 hàng tháng cho chị L1 để biết số dư nợ và số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng; thời hạn thanh toán theo thông báo nợ (thời hạn thanh toán là đến ngày 22 của tháng tiếp theo). Đối với giao dịch rút tiền mặt, tiền lãi được tính từ ngày tiếp theo của ngày thực hiện giao

dịch và đối với giao dịch mua hàng hóa, tiền lãi được tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn nếu khách hàng không thanh toán hoặc thanh toán không hết dư nợ; khoản lãi được tính theo mức lãi suất thay đổi theo từng thời điểm do Ngân hàng thông báo, lãi suất tại thời điểm vay là 33,2%/năm trên tổng dư nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, chị L1 còn phải chịu các khoản phí hàng năm là 200.000đồng/năm (được thu mỗi năm một lần), phí vượt hạn mức là 0,075%/tháng (nhưng không thấp hơn 50.000đồng), phí chậm thanh toán (phí trễ hạn 6%/số tiền trễ hạn nhưng không thấp hơn 100.000đồng) và một số loại phí khác tùy theo dịch vụ mà chị L1 sử dụng. Nếu đến kỳ thông báo đến hạn tiếp theo kể từ ngày đến hạn thanh toán mà chị L1 không thanh toán thì Ngân hàng được quyền chuyển toàn bộ dư nợ của chị L1 thành nợ đến hạn và buộc phải trả toàn bộ dư nợ và chấm dứt sử dụng Thẻ và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình sử dụng thẻ, chị L1 đã thực hiện giao dịch rút số tiền 20.000.000đồng và đã thanh toán không đầy đủ được tổng số tiền là 7.325.360đồng. Chị L1 ngưng không thanh toán từ ngày 15/8/2023 nên đến ngày 15/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với chị L1 và chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn đối với số dư nợ là 18.266.724đồng và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu chị L1 thanh toán số nợ trên nhưng chị L1 không thực hiện. Tính đến ngày 26/12/2024, chị L1 còn nợ Ngân hàng số dư nợ là 18.266.724đồng và tiền lãi quá hạn là 10.256.778đồng, tổng cộng là 28.523.502đồng.

[2.2] Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng, đã được nhận bản sao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với lời trình bày của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật.

[2.3] Xét thấy, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và chị Lê Thị Cẩm L1 được giao kết vào ngày 13/01/2023 trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, căn cứ vào Điều 117 và 401 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 13/01/2023 và những thỏa thuận trong Hợp đồng kèm theo Bản Điều khoản và điều kiện có giá trị ràng buộc các bên khi tham gia giao dịch. Căn cứ vào bản Tóm tắt sao kê quá trình giao dịch, bị đơn chị Lê Thị Cẩm L1 đã thực hiện giao dịch rút tiền với số tiền 20.000.000đồng và thường xuyên thanh toán trễ hạn nên Ngân hàng đã tính các khoản phí theo quy định cùng tiền lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 22 và 24 của Bản Điều khoản và điều kiện. Đồng thời, do bị đơn đã không thực hiện việc thanh toán theo đúng hạn nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với

chị L1 và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với toàn bộ dư nợ tại thời điểm vi phạm là phù hợp với quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện và quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.4] Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 28.523.502đồng cùng tiền lãi phát sinh từ sau ngày 26/12/2024 trên số dư nợ chuyển quá hạn là 18.266.724đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng trong thời gian nhất định là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị Lê Thị Cẩm L1 có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 117 và 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn chị Lê Thị Cẩm L1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 28.523.502đồng (hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi ba ngàn năm trăm linh hai đồng) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 26/12/2024 cho đến khi trả hết nợ đối với số dư nợ 18.266.724đồng (mười tám triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng) theo lãi suất được quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 13/01/2023 cùng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và chị Lê Thị Cẩm L1. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp

luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm L1 phải chịu 1.426.175đồng. H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 580.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011957 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc